

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, và Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên yêu cầu: Chị **Đinh G**, sinh năm 1994 và anh **Kơ Sor Ơ**, sinh năm 1994; Cùng địa chỉ: Làng P, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 10 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc với nhau một thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, mâu thuẫn về cách sống, quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2022, anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** không còn sống chung với nhau nữa. Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** đã suy nghĩ kỹ, xác định tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, không đồng ý quay về đoàn tụ. Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** yêu cầu Tòa án công nhận cho được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** có 01 con chung là cháu **Đinh N**, sinh ngày 02/7/2013.

Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** thỏa thuận giao cháu **Đinh N**, sinh ngày 02/7/2013 cho anh **K Sor Ơ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh **Kơ S Ơ** không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con trong vụ án này.

[3]. Về chia tài sản chung và vay nợ: Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về lệ phí: Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** thống nhất thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** có 01 con chung là cháu **Đinh N**, sinh ngày 02/7/2013.

Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** thỏa thuận thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của cháu **Đinh N**: giao cháu **Đinh N**, sinh ngày 02/7/2013 cho anh **K Sor Ơ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh **Kơ S Ơ** không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và vay nợ: Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

1.4. Về lệ phí: Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đinh G** tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí Tòa án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005052

ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Anh **Kơ Sor Ơ** và chị **Đình G** đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

2. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- UBND xã BarMaih (01 bản);
- CCTHADS huyện Chư Sê (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản).

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu